

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	14 - 40
8. Phụ lục kết quả kinh doanh khu vực cổ phần hóa và khu vực khác	41 - 46



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009 về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600100109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 5 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 22 tháng 06 năm 2015 về việc thay đổi thông tin chi nhánh.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : 0208 3 859 519

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Thái Nguyên	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 1	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 2	Tổ 10, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp Công trình	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Trại Cau (*)	Tổ 14, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Đại Từ (*)	Xóm Đồng Trùng, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Võ Nhai (*)	Phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Điềm Thụy (*)	Xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(*) Các Xí nghiệp được UBND tỉnh Thái Nguyên giao cho Công ty quản lý, điều hành hoạt động.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là khai thác, xử lý, cung cấp nước và cung cấp dịch vụ xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Học	Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Huy Phú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 10 năm 2023
Ông Nguyễn Bá Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 02 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 4 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Mãi - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020).

Ông Nguyễn Quang Mãi đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân Học – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 27/GUQ-CTCPNS ngày 02 tháng 07 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

5-0
TÂN
TY
V H
VÀ T
& C
A N
- 11

Số: 2.0381/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau đây trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính:

(i) Thuyết minh số V.9 về việc Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định Dự án Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên theo nguyên giá tạm tính, chưa có phê duyệt quyết toán chính thức. Giá trị công trình có thể thay đổi khi phê duyệt quyết toán chính thức;

(ii) Thuyết minh số V.19a và VII.5 về việc “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Công ty tại ngày 31/12/2023 đang bao gồm số lỗ lũy kế của 05 Xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động, số tiền 93.822.517.729 VND (số đầu năm là 87.323.570.328 VND). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa có chính sách cấp bù hoặc hỗ trợ từ ngân sách đối với khoản lỗ này cho Công ty;

(iii) Thuyết minh số VII.3 về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.808.537.691	86.772.231.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.504.434.789	13.848.358.738
1. Tiền	111		13.504.434.789	13.848.358.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.457.060.418	32.484.630.671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.294.425.407	23.456.079.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.063.602.827	2.839.433.357
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.079.281.317	11.945.786.838
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.980.455.739)	(5.781.753.656)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		206.606	25.084.651
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	11.381.342.567	11.360.334.564
1. Hàng tồn kho	141		13.529.384.335	13.432.434.512
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.148.041.768)	(2.072.099.948)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.465.699.917	29.078.907.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	193.478.571	18.784.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.270.936.955	29.027.838.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.284.391	32.285.136
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		784.782.682.874	827.449.589.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		690.277.619.042	232.278.864.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	689.009.641.510	232.004.679.772
<i>Nguyên giá</i>	222		1.089.556.316.775	584.516.604.337
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(400.546.675.265)	(352.511.924.565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.267.977.532	274.184.392
<i>Nguyên giá</i>	228		1.824.974.325	553.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(556.996.793)	(278.815.608)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.674.142.582	502.991.708.817
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.674.142.582	502.991.708.817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	84.500.000.000	85.053.242.191
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		83.500.000.000	83.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(2.446.757.809)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.330.921.250	7.125.773.934
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.330.921.250	7.125.773.934
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		858.591.220.565	914.221.820.976

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		641.502.534.214	691.159.606.862
I. Nợ ngắn hạn	310		175.951.569.927	200.086.370.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	80.743.977.627	93.880.634.856
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.833.120.717	1.845.237.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.038.347.254	4.058.634.543
4. Phải trả người lao động	314		12.738.262.601	12.182.658.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.796.406.404	4.609.247.543
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	32.988.307.015	33.632.600.982
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	36.647.460.207	47.357.333.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.165.688.102	2.520.022.755
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		465.550.964.287	491.073.236.575
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	465.550.964.287	491.073.236.575
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.088.686.351	223.062.214.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	217.088.686.351	223.062.214.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		109.463.185.448	109.205.310.448
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.620.205.617	27.620.205.617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.994.704.714)	(73.763.301.951)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(73.763.301.951)	(73.763.301.951)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.231.402.763)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		858.591.220.565	914.221.820.976

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	212.216.575.113	177.618.191.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		212.216.575.113	177.618.191.792
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	123.246.100.475	101.600.196.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.970.474.638	76.017.995.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	69.771.469	1.574.576.149
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	50.455.279.697	25.843.444.718
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.532.395.934	8.404.541.619
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.850.955.386	19.726.675.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.348.280.447	22.361.378.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.614.269.423)	9.661.072.655
11. Thu nhập khác	31	VI.7	86.504.629	10.272.303
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	6.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		86.504.629	3.772.303
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.527.764.794)	9.664.844.958
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.703.637.969	3.714.611.750
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.231.402.763)	5.950.233.208
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.527.764.794)	9.664.844.958
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9;10	48.957.577.442	29.881.000.073
- Các khoản dự phòng	03 V.2;6;7	1.827.886.094	116.410.559
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	11.754.060.989	15.185.104.089
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(79.639.800)	(1.555.443.150)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	37.532.395.934	8.404.541.619
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.464.515.865	61.696.458.148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.616.770.058	47.418.182.886
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(96.949.823)	2.212.857.794
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.788.830.682)	(70.104.244.691)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.379.841.224)	(558.551.263)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.199.145.785)	(8.430.880.157)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(5.726.649.913)	(655.287.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.19	257.875.000	1.500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(313.680.210)	(664.137.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.834.063.286	32.414.397.309
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.679.420.528)	(232.463.940.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	79.639.800	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	2.478.389.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.599.780.728)	(189.985.550.993)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	12.565.237.078	251.591.866.729	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(60.551.443.585)	(35.897.694.257)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.592.000.000)	(48.632.887.999)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.578.206.507)	167.061.284.473	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(343.923.949)	9.490.130.789	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.848.358.738	4.248.426.402	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	109.801.547	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.504.434.789	13.848.358.738	

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước và cung cấp dịch vụ xây lắp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giá bán nước sạch khu vực các huyện do UBND tỉnh quyết định thấp hơn giá thành cùng với việc khách hàng sử dụng nước sạch ít nên chưa phát huy hết công suất.

Theo kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Lợi nhuận sau thuế của toàn Công ty lỗ 6.231.402.763 VND. Trong đó, Lợi nhuận sau thuế khu vực cổ phần hoá lãi 267.544.638 VND (năm trước lãi 12.114.707.345 VND). Lợi nhuận sau thuế khu vực các huyện được UBND giao quản lý (gồm Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Điềm Thụy) năm nay lỗ 6.498.947.401 VND (năm trước lỗ 6.164.474.137 VND).

Doanh thu cung cấp nước sạch năm nay tăng khoảng 38,3 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 22% so với năm trước là do sản lượng nước sạch năm nay tăng và giá bán nước sạch được điều chỉnh tăng theo Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	Tổ 1 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xây dựng công trình kỹ thuật	100%	100%	100%
Công ty TNHH Friend	Tổ 1 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh nước đóng chai	100%	100%	100%

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam có trụ sở chính tại Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 35,91%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Thái Nguyên	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 1	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 2	Tổ 10, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp Công trình	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Trại Cau (*)	Tổ 14, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Đại Từ (*)	Xóm Đồng Trũng, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Võ Nhai (*)	Phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Điềm Thụy (*)	Xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(*) Các Xí nghiệp được UBND tỉnh Thái Nguyên giao cho Công ty quản lý, điều hành hoạt động.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 426 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 429 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, đồng hồ đo nước và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Đồng hồ đo nước

Đồng hồ đo nước đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 5 năm theo phương án giá bán đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc, thiết bị	05-30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08
Tài sản cố định hữu hình khác	05-06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 đến 8 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.750.349.692	15.097.245
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.754.085.097	13.833.261.493
Cộng	13.504.434.789	13.848.358.738

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	4.000.000.000	(3.000.000.000)	4.000.000.000	(2.446.757.809)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(2.446.757.809)
Công ty TNHH Friend ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	83.500.000.000	-	83.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	83.500.000.000	-	83.500.000.000	-
Cộng	87.500.000.000	(3.000.000.000)	87.500.000.000	(2.446.757.809)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Friend		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam	8.350.000	35,91%	8.350.000	35,91%

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.446.757.809	3.000.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	553.242.191	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(553.242.191)
Số cuối năm	3.000.000.000	2.446.757.809

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên		
Bán vật tư cho Công ty con	22.714.000	12.940.000
Bán nước cho Công ty con	-	30.018.000
Sử dụng dịch vụ từ Công ty con	464.608.300	57.001.896
Mua hàng hóa từ Công ty con	62.055.000	-
Công ty TNHH Friend		
Sử dụng dịch vụ và mua hàng từ Công ty con	-	53.907.000
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam		
Vay Công ty liên kết	-	18.000.000.000
Trả tiền vay cho Công ty liên kết	18.000.000.000	-

2b. Kế hoạch nhận chuyển nhượng công ty liên kết

Theo Nghị quyết HĐQT số 59/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2022, HĐQT quyết định thoái 100% vốn góp tại Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam (“Công ty liên kết”) để thu hồi vốn phục vụ các dự án cấp nước. Giá trị thu hồi vốn góp phải cao hơn hoặc bằng giá trị vốn góp ban đầu, sẽ do HĐQT xem xét và quyết định cụ thể. Thời gian thực hiện từ quý IV năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện. Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2023, HĐQT đã quyết định gia hạn thời hạn thoái vốn tại Công ty liên kết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	2.085.543.601	2.085.543.601
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	2.085.543.601	2.085.543.601
Phải thu các khách hàng khác	19.208.881.806	21.370.535.880
Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn Thái Nguyên	1.714.300.581	4.788.584.216
Các khách hàng khác	17.494.581.225	16.581.951.664
Cộng	21.294.425.407	23.456.079.481
Trong đó:		
Các khoản nợ trong hạn	12.464.752.029	15.525.532.639
Các khoản nợ quá hạn	8.829.673.378	7.930.546.842

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	1.200.000.468	1.200.000.468
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	1.200.000.468	1.200.000.468
Trả trước cho người bán khác	1.863.602.359	1.639.432.889
Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Hà Thành	408.445.089	408.445.089
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	307.761.120	-
Các nhà cung cấp khác	797.396.150	880.987.800
Cộng	3.063.602.827	2.839.433.357

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	25.793.549	-	25.793.549	-
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên - Cổ tức được chia	25.793.549	-	25.793.549	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.053.487.768	-	11.919.993.289	-
Tạm ứng	4.515.563.358	-	5.919.058.105	-
Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	217.421.471	-	217.537.948	-
Ký cược, ký quỹ	7.500.050	-	7.500.050	-
UBND tỉnh Thái Nguyên - Kinh phí hỗ trợ di chuyển đường ống	3.757.515.421	-	3.757.515.421	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.555.487.468	-	2.018.381.765	-
Cộng	10.079.281.317	-	11.945.786.838	-

6. Nợ xấu

Là khoản phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	2.085.543.601	(1.042.771.801)	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	2.085.543.601	(1.042.771.801)		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.744.129.777	(5.937.683.938)	7.930.546.843	(5.781.753.656)
Ban Quản lý Dự án huyện Phú Lương - Công trình Xây dựng Hạ tầng Khu tái định cư xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.387.605.000	(1.387.605.000)	1.387.605.000	(1.387.605.000)
Ban Quản lý Dự án tỉnh Thái Nguyên - Gói thầu Di chuyển đường ống nước - Dự án Đầu tư Xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới	323.550.952	(323.550.952)	323.550.952	(323.550.952)
Ban quản lý các dự án đầu tư Xây dựng khu Công nghiệp	769.072.715	(769.072.715)	769.072.715	(720.489.955)
Ban quản lý dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	320.653.079	(320.653.079)	320.653.079	(224.457.155)
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Thái Nguyên	412.121.707	(412.121.707)	412.121.707	(412.121.707)
Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường nông thôn Thái Nguyên	1.714.300.581	(907.854.742)	3.284.200.880	(1.280.186.377)
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Nguyên	1.158.703.105	(1.158.703.105)	1.331.011.296	(1.331.011.296)
Ban Quản lý các công trình xây dựng thị trấn Hùng Sơn	94.207.673	(94.207.673)		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủ Đô	153.494.000	(153.494.000)		
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Thái Kim An	308.089.752	(308.089.752)		
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	102.331.213	(102.331.213)	102.331.214	(102.331.214)
Cộng	8.829.673.378	(6.980.455.739)	7.930.546.843	(5.781.753.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.781.753.656	5.124.547.302
Trích lập dự phòng bổ sung	1.198.702.083	844.846.029
Hoàn nhập dự phòng	-	(187.639.675)
Cộng	<u>6.980.455.739</u>	<u>5.781.753.656</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.926.680.412	(2.057.630.237)	11.858.183.286	(1.981.688.417)
Công cụ, dụng cụ	1.221.340.748	(89.500.000)	1.265.483.122	(89.500.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	316.839.448	-	290.109.448	-
Thành phẩm	64.523.727	(911.531)	18.658.656	(911.531)
Cộng	<u>13.529.384.335</u>	<u>(2.148.041.768)</u>	<u>13.432.434.512</u>	<u>(2.072.099.948)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.072.099.948	2.059.653.552
Trích lập dự phòng bổ sung	75.941.820	12.446.396
Cộng	<u>2.148.041.768</u>	<u>2.072.099.948</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ sản xuất	4.250.000	-
Dụng cụ, đồ dùng hành chính	-	18.784.663
Các chi phí trả trước khác	189.228.571	-
Cộng	<u>193.478.571</u>	<u>18.784.663</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ sản xuất	243.557.121	322.269.013
Dụng cụ, đồ dùng hành chính	109.945.145	57.874.889
Đồng hồ đo nước	6.216.863.116	5.886.602.544
Chi phí sửa chữa	1.585.053.823	697.441.634
Các chi phí trả trước khác	175.502.045	161.585.854
Cộng	<u>8.330.921.250</u>	<u>7.125.773.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	128.993.101.873	103.431.379.210	350.058.750.073	741.738.636	1.291.634.545	584.516.604.337
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	111.408.773.767	129.038.485.125	265.277.753.546	-	-	505.725.012.438
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(685.300.000)	-	-	(685.300.000)
Số cuối năm	240.401.875.640	232.469.864.335	614.651.203.619	741.738.636	1.291.634.545	1.089.556.316.775
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.853.601.424	23.188.101.387	21.540.255.841	514.463.636	146.180.000	60.242.602.288
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	77.287.695.092	80.680.922.284	193.049.566.219	591.879.186	901.861.784	352.511.924.565
Khấu hao trong năm	8.931.850.819	14.745.242.111	24.823.639.314	28.409.376	190.909.080	48.720.050.700
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(685.300.000)	-	-	(685.300.000)
Số cuối năm	86.219.545.911	95.426.164.395	217.187.905.533	620.288.562	1.092.770.864	400.546.675.265
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	51.705.406.781	22.750.456.926	157.009.183.854	149.859.450	389.772.761	232.004.679.772
Số cuối năm	154.182.329.729	137.043.699.940	397.463.298.086	121.450.074	198.863.681	689.009.641.510

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 544.223.144.125 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Khu vực Thái Nguyên – Bắc Kạn và Ngân hàng Thế giới.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định Dự án Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên theo nguyên giá tạm tính trên cơ sở chi phí dự án được tập hợp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, số tiền: 494.152.798.385, trích khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và chưa có phê duyệt quyết toán chính thức. Giá trị công trình có thể thay đổi khi phê duyệt quyết toán chính thức.

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	553.000.000	(278.815.608)	274.184.392
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	1.271.974.325	-	1.271.974.325
Khấu hao trong năm	-	(278.181.185)	(278.181.185)
Số cuối năm	1.824.974.325	(556.996.793)	1.267.977.532

- (*) Xem thuyết minh V.9

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	501.896.379.259	6.876.714.329	(506.996.986.763)	(164.406.320)	-	1.611.700.505
Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	493.775.332.062	1.941.273.148	(494.152.798.385)	(82.879.047)	-	1.480.927.778
Bổ sung cho tuyến ống D450 khu CN Diềm Thụy	1.256.310.586	349.309.816	(1.605.620.402)	-	-	-
Bổ sung cho tuyến ống D300 khu CN Sông công	4.487.530.263	1.368.509.291	(5.856.039.554)	-	-	-
Các hạng mục khác	2.377.206.348	3.217.622.074	(5.382.528.422)	(81.527.273)	-	130.772.727
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.095.329.558	2.429.226.179	-	(1.247.365.406)	(2.214.748.254)	62.442.077
Cộng	502.991.708.817	9.305.940.508	(506.996.986.763)	(1.411.771.726)	(2.214.748.254)	1.674.142.582

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	616.460.981	408.675.806
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	616.460.981	408.675.806
Phải trả các nhà cung cấp khác	80.127.516.646	93.471.959.050
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	5.883.091.915	5.421.091.915
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Thủy Lợi Thái Nguyên	9.998.259.936	8.362.932.242
Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Dương - Công ty TNHH Minh Thông - Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	16.297.322.044	27.872.620.580
Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam – Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam – CTCP	16.600.574.851	17.092.958.156
Các nhà cung cấp khác	31.348.267.900	34.722.356.157
Cộng	80.743.977.627	93.880.634.856

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tô 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Dũng Tân	362.500.000	362.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO	498.000.000	498.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Khu đô thị Thăng Lợi	566.000.000	566.000.000
Các khách hàng khác	406.620.717	418.737.370
Cộng	1.833.120.717	1.845.237.370

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	-	31.809.836	31.000.745	-	-	809.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.714.611.750	-	2.703.637.969	(5.726.649.913)	691.599.806	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.341.659	-	378.348.519	(397.690.178)	-	-
Thuế tài nguyên	93.572.170	-	1.375.987.040	(1.355.734.420)	113.824.790	-
Phí bảo vệ môi trường	231.108.964	-	3.198.571.324	(3.196.757.630)	232.922.658	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	475.300	429.388.000	(429.388.000)	-	475.300
Cộng	4.058.634.543	32.285.136	8.126.933.597	(11.116.220.141)	1.038.347.254	1.284.391

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5%
- Các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.527.764.794)	9.664.844.958
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế khối cổ phần hóa	2.971.182.607	15.829.319.095
Lợi nhuận kế toán trước thuế khối chưa cổ phần hóa	(6.498.947.401)	(6.164.474.137)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	10.547.007.237	2.743.739.654
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.547.007.237	2.853.541.201
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽¹⁾	10.540.007.237	-
Lãi chậm nộp cổ phần hóa	-	2.807.041.201
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	6.500.000
Chi phí không được trừ khác	7.000.000	40.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(109.801.547)
Lãi CLTG do đánh giá lại của tiền năm trước	-	(109.801.547)
Thu nhập chịu thuế	7.019.242.443	12.408.584.612

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế khối cổ phần hóa	13.518.189.844	18.573.058.749
Thu nhập chịu thuế khối chưa cổ phần hóa	<u>(6.498.947.401)</u>	<u>(6.164.474.137)</u>
Thu nhập tính thuế	13.518.189.844	18.573.058.749
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.703.637.969</u>	<u>3.714.611.750</u>

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế đơn vị tài nguyên và thuế suất căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Theo đó:

<u>Loại nước khai thác</u>	<u>Đơn giá tính thuế</u>	<u>Thuế suất</u>
- Nước mặt	3.000 đồng/m ²	1%
- Nước ngầm	4.000 đồng/m ²	5%

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư đối với các khu đất thuê sau đây:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>	<u>Tiền thuê đất được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
Khu đất thuê tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	2.881,30	441.876.150	45 năm (từ 01/01/2021 đến 14/01/2066)	Số 1780/QĐ-CTTNG ngày 23/12/2020
Khu đất thuê tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (phường Trung Vương, phường Túc Duyên, phường Tích Lương)	180.064,60	71.148.898.665	Từ 1/1/2021 đến 23/6/2048	Số 1781/QĐ-CTTNG ngày 23/12/2020
Khu đất thuê tại xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	231,90	4.544.769	Từ tháng 2/2022 đến hết tháng 7/2042	Số 193/QĐ-CTTNG ngày 09/3/2022
Khu đất thuê tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	6.153,60	3.015.659.390	41 năm 3 tháng (từ 01/10/2018 đến 30/12/2059)	Số 1492/QĐ-CT ngày 10/10/2018
Khu đất thuê tại xã Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	1.813,00	36.729.210	20 năm 7 tháng (từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2039)	Số 1669/QĐ-CT ngày 30/10/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>	<u>Tiền thuê đất được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
Khu đất thuê tại xã Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	252,00	2.751.840	22 năm 9 tháng (từ tháng 11/2019 đến tháng 7/2042)	Số 1619/QĐ-CT ngày 14/8/2019
Khu đất thuê tại xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.679,70	319.809.204	24 năm 11 tháng (từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2043)	Số 1367/QĐ-CT ngày 13/9/2018
Khu đất thuê tại xã Phúc Triu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	74.589,90	10.588.782.204	42 năm 3 tháng (từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2062)	Số 805/QĐ-CT ngày 17/6/2020
Khu đất thuê tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	15.590,30	8.647.764.034	29 năm 9 tháng (từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2050)	Số 1792/QĐ-CTTNG ngày 24/12/2020
Khu đất thuê tại phường Lương Châu, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	4.366,60	406.748.790	19 năm 2 tháng (Từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2038)	Số 1850/QĐ-CT ngày 20/9/2019
Khu đất thuê tại Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	461,00	24.473.622	32 năm 2 tháng (Từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2053)	Số 1948/QĐ-CTTNG ngày 02/11/2021
Khu đất thuê tại Diềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên	3.558,4	1.156.804.124	20 năm 2 tháng (Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2038)	Số 1608/QĐ-CT ngày 26/10/2018

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Công ty được miễn tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các khu đất sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>	<u>Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
Các Khu đất thuê tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	252.688,60	459.768.800	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	582/QĐ-CCT ngày 10/5/2022
Khu đất thuê tại xã Đồng Hỷ, thị trấn Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên	1.813	951.825	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	224/QĐ-CCTKV ngày 07/7/2022
Khu đất thuê tại huyện Võ Nhai,	3.826,2	11.849.727	5 năm (Giai đoạn	225/QĐ-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Vi trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>	<u>Tiền thuê sử dụng đất phí nông nghiệp được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
tỉnh Thái Nguyên			2022 đến 2026)	CCTKV ngày 07/7/2022
Khu đất thuê tại xã Động Đạt và thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.679,70	5.300.505	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	689/QĐ-CCTKV ngày 01/7/2022
Khu đất thuê tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	19.956,90	77.529.785	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	646/QĐ-CCTKV ngày 01/8/2022
Khu đất thuê tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	6.153,60	17.248.095	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	647/QĐ-CCTKV ngày 01/8/2022
Khu đất thuê tại xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	3.558,4	17.246.630	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	704/QĐ-CCTKV ngày 20/10/2022

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên	680.333.000	580.333.000
Chi phí lãi vay phải trả	3.486.152.120	152.901.971
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	3.038.835.105	2.986.953.042
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	591.086.179	889.059.530
Cộng	7.796.406.404	4.609.247.543

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>132.340.000</i>	<i>4.714.740.000</i>
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á – Cổ tức phải trả	-	4.592.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	132.340.000	122.740.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>32.855.967.015</i>	<i>28.917.860.982</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	849.122	6.837.540
Kinh phí công đoàn	239.886.368	38.161.763
Phải trả về cổ phần hóa - Lãi chậm nộp (*)	16.790.359.018	22.083.446.307
Sở Tài Chính tỉnh Thái Nguyên - Tiền dịch vụ thoát nước	14.939.815.185	6.676.409.610
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	885.057.322	113.005.762
Cộng	32.988.307.015	33.632.600.982

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước đến năm 2023, do chưa được UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các Xí nghiệp nước sạch khu vực các huyện mà Nhà nước giao Công ty quản lý (xem Thuyết minh số VII.3).

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam (*)	-	18.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	36.647.460.207	29.357.333.437
Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB	2.668.102.144	5.336.204.272
Ngân hàng Thế giới	1.179.454.072	1.179.454.072
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	1.623.451.822	1.702.010.824
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Thái Nguyên - Bắc Kạn	31.176.452.169	21.139.664.269
Cộng	36.647.460.207	47.357.333.437

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (*) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay</u>	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
	<u>bên liên quan</u>	<u>cá nhân</u>	<u>đến hạn trả</u>	
Số đầu năm	18.000.000.000		29.357.333.437	47.357.333.437
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	46.281.426.811	46.281.426.811
Số tiền vay đã trả trong năm	(18.000.000.000)	(1.000.000.000)	(38.991.300.041)	(57.991.300.041)
Số cuối năm	-	-	36.647.460.207	36.647.460.207

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Châu Á ⁽ⁱ⁾	-	2.668.102.144
Ngân hàng Thế giới ⁽ⁱⁱ⁾	6.486.997.411	7.666.451.483
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽ⁱ⁾	2.523.405.178	3.823.405.178
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Thái Nguyên - Bắc Kạn ⁽ⁱⁱ⁾	456.540.561.698	476.915.277.770
Cộng	465.550.964.287	491.073.236.575

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo Hiệp định vay phụ ký ngày 05 tháng 12 năm 1995, kèm theo Công văn số 6310/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 5 năm 2008 cùng với phụ lục sửa đổi hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 4 năm 2015, mục đích vay để đầu tư Dự án cấp nước và vệ sinh thành phố Thái Nguyên, số tiền vay 80.043.064.088 VND, thời hạn vay 18 năm (từ năm 2006 đến năm 2024) với mức lãi suất 5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (ii) Khoản vay lại của Bộ Tài chính từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới ngày 30 tháng 11 năm 2009, mục đích vay để đầu tư vào dự án Cấp nước thị trấn Đình Cả (huyện Võ Nhai) và thị trấn Đu (huyện Phú Lương), số tiền vay 20.050.719.239 VND, thời hạn vay 17 năm (từ năm 2013 đến năm 2030) với mức lãi suất 3%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 233/19/HĐTD/TN ngày 14/11/2019, mục đích vay để đầu tư hệ thống điện mặt trời hòa lưới Công suất 140,76kWp cho Nhà máy Nước sạch Sông Công, số tiền cho vay tối đa 2.600.000.000 VND. Thời hạn vay 120 tháng với lãi suất 9,1%/năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai;
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158/21/HĐTN/TN ngày 28/6/2021, mục đích vay để đầu tư vào Dự án tuyến ống cấp nước Khu vực Sông Công II, số tiền cho vay tối đa 8.000.000.000 VND, đã giải ngân 6.500.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng với lãi suất cố định trong 2 năm đầu, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (iv) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Thái Nguyên – Bắc Kạn theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn ODA số 07/2013/HDODA-NHPTVN ngày 19/03/2013, mục đích vay để thanh toán các chi phí cho dự án Cấp nước thị xã Sông Công tỉnh Thái Nguyên theo phê duyệt tại Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên, hạn mức vay không quá 4.205.000 USD, số nợ gốc phải trả 89.297.947.985 VND. Thời hạn cho vay 25 năm (từ năm 2012 đến năm 2036), trong đó 8 năm ân hạn và 17 năm trả nợ gốc, lãi suất 7,44%/năm, phí cho vay lại 0,2% trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
 - Hiệp định vay phụ số 2961-VIE ngày 09/07/2013, mục đích vay để đầu tư Dự án phát triển hệ thống cấp nước TP Thái Nguyên, hạn mức vay không quá 610.000 USD, thời hạn vay 25 năm, Lãi suất vay bằng lãi suất SOFR áp dụng từ ngày 01/01/2022+ 0,4%/năm, phí niên hạn 0,1%/năm và phí cho vay lại 0,25%/năm trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
 - Hiệp định vay phụ số 3251-VIE ngày 20/01/2017, mục đích vay để đầu tư thực hiện dự án "Phát triển ngành nước Việt Nam khoản vay 3", hạn mức vay không quá 24.890.000 USD, thời hạn vay 25 năm, Lãi suất vay bằng lãi suất SOFR áp dụng từ ngày 01/01/2022+ 0,5%/năm, phí niên hạn 0,1%/năm và phí cho vay lại 0,25%/năm trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	36.647.460.207	29.357.333.437
Trên 1 năm đến 5 năm	133.372.386.367	132.249.632.352
Trên 5 năm	332.178.577.920	358.823.604.223
Cộng	502.198.424.494	520.430.570.012

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	491.073.236.575	283.826.862.664
Số tiền vay phát sinh trong năm	11.565.237.078	230.091.749.844
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	11.754.060.989	15.294.905.636
Số tiền vay đã trả	(2.560.143.544)	(9.091.314.019)
Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	(46.281.426.811)	(29.049.084.435)
Tăng khác	-	116.885
Số cuối năm	<u>465.550.964.287</u>	<u>491.073.236.575</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Khấu hao trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.340.145.400	(266.465.000)	-	1.073.680.400
Quỹ phúc lợi	824.296.732	(47.215.210)	-	777.081.522
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	355.580.623	-	(40.654.443)	314.926.180
Cộng	<u>2.520.022.755</u>	<u>(313.680.210)</u>	<u>(40.654.443)</u>	<u>2.165.688.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Cộng
Số đầu năm trước	160.000.000.000	107.705.310.448	26.182.630.337	(66.644.668.973)	227.243.271.812
Ngân sách Nhà nước cấp nguồn vốn Dự án Cấp nước thị xã Sông Công	-	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.950.233.208	5.950.233.208
Trích lập các quỹ	-	-	1.437.575.280	(1.868.866.186)	(431.290.906)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.200.000.000)	(11.200.000.000)
Số dư cuối năm trước	160.000.000.000	109.205.310.448	27.620.205.617	(73.763.301.951)	223.062.214.114
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	109.205.310.448	27.620.205.617	(73.763.301.951)	223.062.214.114
Ngân sách Nhà nước cấp nguồn vốn Dự án Cấp nước thị xã Sông Công	-	257.875.000	-	-	257.875.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(6.231.402.763)	(6.231.402.763)
Số dư cuối năm nay	160.000.000.000	109.463.185.448	27.620.205.617	(79.994.704.714)	217.088.686.351

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm lỗ lũy kế của các Xí nghiệp nước sạch Trại Cau, Võ Nhai, Phú Lương, Diềm Thụy, số dư tại 31/12/2023 là 93.822.517.729 VND (số lỗ đầu năm là 87.323.570.328 VND), Công ty đang chờ UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương (xem Thuyết minh VII.5).

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Thái Nguyên	67.632.000.000	67.632.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	65.600.000.000	65.600.000.000
Ông Nguyễn Quang Mãi	16.075.460.000	16.074.460.000
Các cổ đông khác	10.692.540.000	10.693.540.000
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. *Vốn khác của chủ sở hữu*

Là nguồn vốn hình thành từ các tài sản do Nhà nước giao tiếp nhận bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án cấp nước phía Nam huyện Phổ Yên	9.942.336.640	9.942.336.640
Dự án cấp nước thị xã Sông Công	31.612.479.702	31.354.604.702
Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tích Lương	5.831.687.738	5.831.687.738
Dự án Đu Phú Lương, Đình Cả - Võ Nai	4.596.769.520	4.596.769.520
Dự án Trạm nước sạch Võ Nai	819.502.415	819.502.415
Dự án Xí nghiệp Điềm Thụy (Vốn Jica)	20.454.000.000	20.454.000.000
Dự án Xí nghiệp Điềm Thụy (Vốn Ngân sách)	6.884.396.670	6.884.396.670
Dự án Xí nghiệp nước sạch Đại Từ	16.238.766.000	16.238.766.000
Dự án Xí nghiệp nước sạch Trại Cau	7.252.547.400	7.252.547.400
Dự án Samsung	4.567.000.000	4.567.000.000
Tài sản tăng từ quỹ đầu tư phát triển	282.986.363	282.986.363
Dự án Tuyến ống HDPE 63 khu dân cư số 3 phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	980.713.000	980.713.000
Cộng	<u>109.463.185.448</u>	<u>109.205.310.448</u>

19d. *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.000.000	16.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có tiền gốc ngoại tệ (số đầu năm là 132.857,23 USD).

20b. *Nợ khó đòi đã xử lý*

Khoản nợ phải thu tiền nước Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng với số tiền 34.145.675 VND đã được xóa sổ do công ty này đã phá sản.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. *Tổng doanh thu*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nước sạch	211.428.666.406	173.051.922.440
Doanh thu xây lắp	572.556.738	4.400.965.398
Doanh thu bán vật liệu	64.162.100	49.694.861
Doanh thu khác	151.189.869	115.609.093
Cộng	<u>212.216.575.113</u>	<u>177.618.191.792</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động bán nước sạch	122.707.691.911	97.470.863.763
Giá vốn của hoạt động xây lắp	431.008.157	4.089.483.093
Giá vốn của vật liệu đã bán	31.458.587	27.403.029
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	75.941.820	12.446.396
Cộng	<u>123.246.100.475</u>	<u>101.600.196.281</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.555.443.150
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.352.493	19.132.999
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	43.418.976	-
Cộng	<u>69.771.469</u>	<u>1.574.576.149</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.532.395.934	8.404.541.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	615.580.583	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.754.060.989	15.185.104.089
Lãi chậm nộp cổ phần hóa	-	2.807.041.201
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	553.242.191	(553.242.191)
Cộng	<u>50.455.279.697</u>	<u>25.843.444.718</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.777.078.000	12.948.834.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.552.065	-
Các chi phí khác	6.069.325.321	6.777.841.279
Cộng	<u>19.850.955.386</u>	<u>19.726.675.865</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.495.470.595	14.096.328.669
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.443.689	174.272.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.516.616	509.607.612
Thuế, phí và lệ phí	1.699.197.561	1.626.096.370
Dự phòng phải thu khó đòi	1.198.702.083	691.352.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.112.301	66.812.639
Các chi phí khác	5.135.837.602	5.196.908.759
Cộng	<u>22.348.280.447</u>	<u>22.361.378.422</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	79.639.800	-
Thu nhập khác	6.864.829	10.272.303
Cộng	<u>86.504.629</u>	<u>10.272.303</u>

8. Chi phí khác

Là Thuế bị phạt, bị truy thu.

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.756.987.591	26.288.503.858
Chi phí nhân công	66.587.078.526	56.775.972.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.957.577.442	29.881.000.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.342.584	2.499.708.718
Chi phí khác	21.044.080.165	22.754.572.484
Cộng	<u>165.472.066.308</u>	<u>138.199.758.057</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch HĐQT	11.200.000	528.000.000	539.200.000
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	371.442.000	115.200.000	486.642.000
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	291.565.000	115.200.000	406.765.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	324.197.000	115.200.000	439.397.000
Ông Lê Quang Hải	Thành viên HĐQT	181.000.000	67.200.000	248.200.000
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	8.200.000	330.000.000	338.200.000
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	237.959.436	84.480.000	322.439.436
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	8.200.000	184.800.000	193.000.000
Ông Lê Huy Phú	Phó Tổng Giám đốc	357.041.331	-	357.041.331
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	376.700.000	-	376.700.000
Cộng		2.167.504.767	1.540.080.000	3.707.584.767
Năm trước				
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch HĐQT	8.700.000	528.000.000	536.700.000
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	314.784.000	115.200.000	429.984.000
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	259.265.000	115.200.000	374.465.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	268.735.000	115.200.000	383.935.000
Ông Nông Quốc Bình	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	241.698.000	105.600.000	347.298.000
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	8.700.000	330.000.000	338.700.000
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	156.615.243	84.480.000	241.095.243
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	2.000.000	92.400.000	94.400.000
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	338.700.000	-	338.700.000
Cộng		1.599.197.243	1.486.080.000	3.085.277.243

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH Friend	Công ty con
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam	Công ty liên kết
UBND tỉnh Thái Nguyên	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Quang Mãi	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
UBND tỉnh Thái Nguyên		
Chia cổ tức	-	4.734.240.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á		
Chia cổ tức		4.592.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tô 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay bên liên quan		3.500.000.000
Trả nợ vay bên liên quan		3.500.000.000

Ông Nguyễn Quang Mãi

Chia cổ tức

1.125.212.200

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.

2. Số liệu so sánh

2a. Sai sót

Trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi phí nhân viên các xí nghiệp, chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí khấu hao hệ thống tuyến ống, chi phí sửa chữa và lắp đặt đồng hồ nước... (tổng số tiền 20.608.465.158 VND) đã được Công ty trình bày trong chi tiêu "Chi phí bán hàng", thay vì phải trình bày tại chi tiêu "Giá vốn hàng bán" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp".

2b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	63.337.051.688	38.263.144.593	101.600.196.281
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	114.281.140.104	(38.263.144.593)	76.017.995.511
Chi phí bán hàng	25	66.601.559.073	(46.874.883.208)	19.726.675.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.749.639.807	8.611.738.615	22.361.378.422

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 102.143.032.236 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty có kế hoạch thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết để thu hồi vốn với giá trị thu hồi vốn cao hơn hoặc bằng giá trị đầu tư ban đầu (*xem thuyết minh V.2b*). Đồng thời, công trình Nhà máy nước thuộc dự án "Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên" đã đi vào hoạt động trong năm 2023 sẽ mang lại nguồn thu để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5. Các Thông tin khác

- Theo Công văn số 2004/UBND-KTTH về cơ chế tài chính Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên chi đạo Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên sau khi tiếp nhận bàn giao, tổ chức theo dõi riêng và có trách nhiệm tổ chức hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới tiêu thụ, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trường hợp lỗi do nguyên nhân khách quan, Công ty báo cáo các sở, ngành chuyên môn của tỉnh căn cứ chính sách quy định, kiểm tra cụ thể thống nhất trình UBND tỉnh xem xét giải quyết. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp Nước sạch do Nhà

-00
INH
TY
HỮU
À TU
C
NỘI
TP.

